QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi Quy định đào tạo ngoài người đối với hệ đại học chính quy của Trường Đại học Công nghệ Thông tin

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối với sinh viên khóa tuyển sinh từ năm 2024 trở về sau: Chỉnh sửa mục điểm xét công nhận tốt nghiệp, tên bắc theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc được quy định tại Điều 9 của Quy định đào tạo ngoài người đối với hệ đại học chính quy của Trường Đại học Công nghệ Thông tin (ban hành theo Quyết định số 828/QĐ-DHCNTT, ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin); như sau:

| Chương trình | TOEIC | TOEFL iBT | IELTS | Cambridge English | VNU-EPT | Chứng chỉ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (\*) |

|-------------|-------|-----------|-------|------------------|--------|-----------------------------------------------|

| VB2, I.T, CTC | 450 | 185 | 45 | PET (Pass) Business Preliminary (Pass) | A2 Key (Grade A) B1 Preliminary (Grade C) B1 Business Preliminary (Pass) | 176 | Bậc 3 |

| CTTN, CLC | 555 | 205 | 60 | PET (Distinction) FCE (Grade C) Business Preliminary (Distinction) Business Vantage (Grade C) | B1 Preliminary (Grade B) B1 Business Preliminary (Merit) | 251 | Bậc 4 |

| CTTT | 675 | 225 | 79 | FCE (Grade B) Business Vantage (Grade B) | B1 Preliminary (Grade A) B2 First (Grade C) B1 Business Preliminary (Distinction) B2 Business Vantage (Grade C) | 281 | Bậc 5 |

\* Trường chỉ cho phép sinh viên sử dụng Chứng chỉ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc do Bộ GD&ĐT quy định và công nhận.

Điều 2. Đối với chứng chỉ IELTS dùng để xét miễn môn học và xét tốt nghiệp: Trường cho phép sinh viên sử dụng cả IELTS Academic và IELTS General.

Điều 3. Các Ông/Bà Trường các Phòng, Ban, Khoa, Bộ môn, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, ĐTDH (Nh).